

THÔNG BÁO SỐ 94
Tình hình mặn khu vực tỉnh Tiền Giang đến sáng ngày 24/03/2024

Stt	Vị trí điểm đo	Độ mặn cao nhất (gam/lít)	So với ngày trước (gam/lít)	So với cùng kỳ năm 2023	So với cùng kỳ năm 2016
I	Trên Sông Tiền				
1	Cổng Xuân Hoà (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)	6,68	tăng 0,12 g/l	cao hơn 5,48 g/l	cao hơn 3,34 g/l
2	Vàm Tân Mỹ Chánh (phường 9, thành phố Mỹ Tho)	5,15	giảm 0,18 g/l	cao hơn 4,51 g/l	cao hơn 2,7 g/l
3	Công Viên Lạc Hồng (phường 1, thành phố Mỹ Tho)	4,46	giảm 0,04 g/l	cao hơn 3,96 g/l	cao hơn 2,36 g/l
4	Cầu Trường Chính Trị (xã Trung An, thành phố Mỹ Tho)	3,50	tăng 0,13 g/l	cao hơn 3,35 g/l	cao hơn 2,38 g/l
5	Cầu Xoài Hột (xã Bình Đức, huyện Châu Thành)	2,92	tăng 0,36 g/l	cao hơn 2,92 g/l	cao hơn 1,82 g/l
6	Cầu Kinh Xáng (xã Song Thuận, huyện Châu Thành)	2,18	tăng 0,27 g/l	cao hơn 2,18 g/l	cao hơn 1,62 g/l
7	Cầu Kim Sơn (xã Kim Sơn, huyện Châu Thành)	1,42	giảm 0,13 g/l	cao hơn 1,42 g/l	cao hơn 1,08 g/l
8	Cầu Phú Phong (xã Phú Phong, huyện Châu Thành)	0,87	tăng 0,05 g/l	cao hơn 0,87 g/l	cao hơn 0,57 g/l
9	Phà Tam Bình (Xã Tam Bình, Huyện Cai Lậy)	0,41	tăng 0,12 g/l	cao hơn 0,41 g/l	cao hơn 0,31 g/l
10	Vàm Ba Rải (Xã Hội Xuân, Huyện Cai Lậy)	0,00	tương đương	tương đương	tương đương
11	Phà Thới Lộc (Xã Ngũ Hiệp, Huyện Cai Lậy)	0,38	tăng 0,02 g/l	cao hơn 0,38 g/l	cao hơn 0,38 g/l
II	Trên Sông Soài Rạp và Kênh Chợ Gạo				
1	Cầu Nổi (xã Bình Đông, thị xã Gò Công)	19,80	tăng 1,2 g/l	cao hơn 7,3 g/l	cao hơn 4,0 g/l
2	Cổng số 3 (xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây)	12,71	giảm 0,74 g/l	cao hơn 7,51 g/l	thấp hơn 1,19 g/l
3	Cầu Chợ Gạo (thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo)	6,20	tăng 0,2 g/l	cao hơn 1,1 g/l	thấp hơn 5,7 g/l
4	Bến Đò Xuân Đông (xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo)	5,15	giảm 0,65 g/l	cao hơn 0,65 g/l	thấp hơn 5,75 g/l

III Trên Sông Hàm Luông					
1	Mỹ Hóa Phường 7, TP Bến Tre (45km) Cách sông Tiền 29km	8,20	giảm 0,1 g/l	cao hơn 4,9 g/l	thấp hơn 0,4 g/l
2	An Hiệp Xã An Hiệp, Châu Thành, Bến Tre (55km) Cách sông Tiền 19km	6,10	giảm 0,2 g/l	cao hơn 5,2 g/l	cao hơn 1,0 g/l
3	Vàm Môn Phú Sơn, Chợ lách, Bến Tre (65km) Cách sông Tiền 9km	3,90	tương đương	cao hơn 3,8 g/l	cao hơn 1,8 g/l
4	Hòa Nghĩa Bến phà Tân Phú (72km) Cách sông Tiền 2km	1,20	giảm 0,1 g/l	cao hơn 1,2 g/l	cao hơn 0,9 g/l
5	Trạm Chợ Lách (trên sông Tiền) Cách cửa Hàm Luông - sông Tiền 3km	0,60	giảm 0,1 g/l	cao hơn 0,6 g/l	thấp hơn 0,3 g/l
IV Trên Sông Vàm Cỏ Tây:					
1	Tân An Cầu Tân An, TP Tân An (75km)	3,20	tăng 0,5 g/l	cao hơn 2,7 g/l	thấp hơn 0,9 g/l

- Dự án ngọt hóa Gò Công:

- + Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ -1,02 mét đến -0,93 mét.

- Dự án Phú Thạnh-Phú Đông:

- + Tất cả các cống đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ -0,49 mét đến -0,48 mét.

- Dự án Bảo Định:

- + Cống Gò Cát, Bảo Định, Xoài Hột đóng ngăn mặn.
- + Mức nước trên kênh trục chính: từ +0,23 mét đến +0,28 mét.

- Các cống trên đường tỉnh 864 (giai đoạn 1): Cống Nguyễn Tấn Thành, Cầu Cống, Rạch Gầm, Phú Phong, Cây Còng, Chùa 1, Hai Tân, Mù U, Cái Sơn đóng ngăn mặn.

Nơi nhận:

- Sở NN&PTNT Tiền Giang;
- Cty TNHH MTV Khai thác CTTL TG;
- UBND các huyện, thị, thành;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế TPMT, TX Gò Công và TX Cai Lậy;
- Chi cục Thủy lợi;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Tiền Giang;
- Lưu VT.

**TL.TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thịnh